

UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT

Số: 447 /TB-TTPTQĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 10 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc cho thuê nhà do Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng quản lý, khai thác

Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng thông báo danh mục nhà, đất cho thuê nhà (gắn với quyền sử dụng đất), giá sàn cho thuê, nội dung cụ thể như sau:

1. Danh mục nhà, đất cho thuê theo phương thức chào giá cạnh tranh:

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m ²)			Giá sàn cho thuê (đồng/m ² /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m ²)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	KBNN Nam Trà My, xã Nam Trà My	KBNNNT M-NTMQN.068	3.540,00	810,00	810,00	418.874	810,00	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào	169.644.000

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m ²)			Giá sàn cho thuê (đồng/m ² /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m ²)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
									tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	
2	Thuế cơ sở 10, xã Nam Trà My	0TCS10-NTMQN.069	3.349,00	546,00	546,00	336.277	546,00	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	91.804.000
3	Nhà khách tỉnh ủy (cũ), 258 Hùng Vương phường Tam Kỳ	0258HV-TKQN.070	2.721,30	1.453,00	1.453,00	558.532	1.453,00	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	405.773.000

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m ²)			Giá sàn cho thuê (đồng/m ² /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m ²)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
4	Đài truyền hình Tam Kỳ (cũ), 215 Hùng Vương phường Tam Kỳ	0215HV-TKQN.071	1.194,60	451,32	451,32	965.995	451,32	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	217.986.000
5	UBND Trường Xuân (cũ), 118 Lê Tấn Trung phường Tam Kỳ	118LTT-TKQN.072	2.959,80	1.273,755	1.273,755	465.157	1.273,755	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	296.248.000
6	Đội quy tắc đô thị xã Điện Bàn (cũ), 87 Mẹ Thù xã Điện Bàn	0087MT-ĐBQN.073	761,30	638,00	638,00	277.048	638,00	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh;	88.378.000

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m ²)			Giá sàn cho thuê (đồng/m ² /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m ²)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
									Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	
7	KBNN Hiệp Đức (cũ), xã Hiệp Đức	KBNNHĐ-HĐQN-074	1.760,00	960,00	960,00	721.824	960,00	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	346.476.000
8	KBNN Đại Lộc (cũ), xã Đại Lộc	KBNNĐL-ĐLQN.076	1.456,70	626,00	626,00	515.672	626,00	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	161.405.000

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m ²)			Giá sàn cho thuê (đồng/m ² /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m ²)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
9	BHXXH Đại Lộc (cũ), xã Đại Lộc	BHXXHDL-ĐLQN.077	1.037,00	1.362,00	1.362,00	382.277	1.362,00	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	260.331.000
10	VKSND huyện Nông Sơn (cũ), thôn Trung Hạ xã Nông Sơn	VKSNDNS - NSQN.081	2.455,00	1.093,00	1.093,00	668.829	1.093,00	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	365.515.000
11	VKSND huyện Quế Sơn (cũ), đường Ngô Tuần, thôn Lãnh Thượng 1 xã Quế Sơn	VKSNDQS - QSQN.082	2.982,00	1.168,56	1.168,56	1.080.663	1.168,56	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh;	631.410.000

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m ²)			Giá sàn cho thuê (đồng/m ² /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m ²)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
									Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	
12	Trụ sở làm việc của Thống kê cơ sở Quế Sơn thuộc TK TP Đà Nẵng (địa chỉ: Thôn Trung Hạ, xã Nông Sơn)	TSTKQS-NSQN.045	1.000,00	326,11	326,11	557.341	326,11	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	90.877.000
13	Chi cục thi hành án dân sự huyện Nông Sơn. Địa chỉ xã Nông Sơn	CCTHADS-NSQN.046	1.969,40	577,00	577,00	748.998	577,00	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	216.086.000

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m ²)			Giá sàn cho thuê (đồng/m ² /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m ²)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
14	Chi cục Thuế huyện Nông Sơn. Địa chỉ xã Nông Sơn	CCTHNS-NSQN.047	3.375,00	1.414,70	1.414,70	448.422	1.414,70	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	317.191.000
15	Kho bạc Nhà nước Nông Sơn. Địa chỉ xã Nông Sơn	KBNNNS-NSQN.048	3.450,00	900,00	900,00	561.128	900,00	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	252.508.000
16	VKSND huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam (cũ), địa chỉ: thôn Agròng, xã Tây Giang	VKSNDTG - TGQN.049	1.761,00	930,00	930,00	117.431	930,00	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh;	54.605.000

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m ²)			Giá sàn cho thuê (đồng/m ² /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m ²)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
									Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	
17	Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng, số 30 Hùng Vương, phường Bàn Thạch	0030HV-BTQN.054	4.828,00	1.063,00	1.063,00	954.253	1.063,00	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	507.185.000
18	VKSND thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam (cũ), địa chỉ: 66 Hùng Vương, phường Bàn Thạch	0066HV-BTQN.055	1.870,00	836,00	836,00	448.511	836,00	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	187.478.000

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m ²)			Giá sàn cho thuê (đồng/m ² /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m ²)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
19	Trạm Tam Thắng, phường Bàn Thạch - Liên đoàn Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước miền Trung. Thôn Mỹ Cang, phường Bàn Thạch	000TTT-BTQN.056	611,00	144,00	144,00	420.002	144,00	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	30.240.000
20	Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 (Chi cục Thi hành án dân sự TP Tam Kỳ (cũ), địa chỉ: 18B Trần Quý Cáp, Bàn Thạch)	18BTQC-BTQN.057	697,70	795,00	795,00	339.057	795,00	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	134.775.000
21	Thuế TP Đà Nẵng. Số 594 Hùng Vương, phường Hương Trà	0594HT-HTQN.058	7.456,00	8.044,80	8.044,80	325.034	8.044,80	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh;	1.307.417.000

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m ²)			Giá sàn cho thuê (đồng/m ² /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m ²)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
									Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	
22	Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 (Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Sơn) Số 19 đường Hồ Chí Minh, xã Khâm Đức, TP Đà Nẵng	019HCM-KĐQN.061	888,30	251,00	251,00	371.304	251,00	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	46.599.000
23	Sở dân tộc, số 09 đường Trần Hưng Đạo, phường Bàn Thạch	009THĐ-BTQN.053	2.125,00	1.925,22	1.925,22	383.259	1.925,22	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	368.929.000

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m ²)			Giá sàn cho thuê (đồng/m ² /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m ²)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
24	Trụ sở tổ chức hội (cũ), số 02 Phan Đăng Lưu, phường Tam Kỳ	001PDL-TKQN.051	960,00	1.544,00	1.544,00	301.561	1.544,00	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	232.805.000
25	Trụ sở làm việc KBNN Phước Sơn cũ Địa chỉ: Thửa đất số 12, tờ bản đồ 05, xã Khâm Đức (trước đây là TT Khâm Đức, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam)	KBNNPS-KĐQN.062	1.188,00	900,00	900,00	363.043	900,00	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	163.369.000
26	UBND phường Điện Phương (cũ), phường Điện Bàn	UBNDĐP-ĐBQN.059	2.979,00	2.425,00	2.425,00	211.791	2.425,00	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh;	256.797.000

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m ²)			Giá sàn cho thuê (đồng/m ² /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m ²)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
									Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	
27	84 Phan Bội Châu, phường Bàn Thạch	084PBC-BTQN.020	754,00	993,00	993,00	337.750	993,00	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	167.693.000
28	UBMT tỉnh Quảng Nam cũ - 14 Trần Phú, phường Bàn Thạch	0014TP-BTQN.024	3.470,40	2.767,00	2.767,00	306.537	2.767,00	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	424.094.000

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m ²)			Giá sàn cho thuê (đồng/m ² /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m ²)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
29	Hội nông dân tỉnh Quảng Nam cũ - 18B Trần Phú, phường Bàn Thạch	018BTP-BTQN.025	1.063,80	886,00	886,00	752.426	886,00	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	333.325.000
30	Hội Chữ thập đỏ tỉnh Quảng Nam cũ - 22 Trần Phú, phường Bàn Thạch	0022TP-BTQN.027	1.000,00	682,40	682,40	299.644	682,40	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	102.239.000
31	Phòng Giáo dục và đào tạo thành phố, số 06 Trần Quý Cáp, phường Bàn Thạch	0006TP-BTQN.034	1.269,50	1.585,10	1.585,10	184.368	1.585,10	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh;	146.121.000

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m ²)			Giá sàn cho thuê (đồng/m ² /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m ²)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
									Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	
32	Sở Tài chính Tam Kỳ, 102 Trần Quý Cáp, phường Bàn Thạch	102TQC-BTQN.035	3.864,30	3.716,34	3.716,34	510.347	3.716,34	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	948.311.000
33	Thanh tra thành phố - 08 Nguyễn Chí Thanh, phường Bàn Thạch	008NCT-BTQN.021	3.219,90	2.217,66	2.217,66	635.992	2.217,66	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	705.207.000

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m ²)			Giá sàn cho thuê (đồng/m ² /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m ²)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
34	07 Trần Hưng Đạo, phường Bàn Thạch	007THĐ-BTQN.006	4.629,40	2.274,00	2.274,00	361.458	2.274,00	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	410.978.000
35	Lê Văn Tâm, xã Núi Thành (BHXH)	LVTXNT-NTQN.036	1.052,90	1.000,00	1.000,00	678.623	1.000,00	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	339.312.000
36	Trụ sở làm việc Hải quan cửa khẩu cảng Kỳ Hà - xã Núi Thành	HQCKKH-NTQN.037	5.414,70	1.657,60	1.657,60	167.424	1.657,60	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh;	138.761.000

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m ²)			Giá sàn cho thuê (đồng/m ² /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m ²)	Thời hạn cho thuê nhà (năm)	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
									Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	
37	Thuế cơ sở 7 - Xã Nam Phước	TCS7NP-NPQN.038	132,00	230,40	230,40	392.168	230,40	10	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	45.178.000

2. Thời gian, địa điểm nộp Phiếu đăng ký thuê nhà, tiền đặt trước: bắt đầu từ 07 giờ 30 phút ngày 19/10/2026 đến hết 17 giờ 30 phút ngày 27/10/2026 (không tính Thứ Bảy, Chủ Nhật) tại Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng – số 147 Phan Thanh, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (*Hướng dẫn nộp hồ sơ đăng ký thuê nhà, đất đính kèm Thông báo này*).

3. Thời gian, địa điểm tổ chức xác định người được quyền thuê nhà: bắt đầu từ 08 giờ 30 phút ngày 29/10/2026, tại Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng – số 245 Lê Duẩn, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

4. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thuê nhà (gắn với quyền sử dụng đất) tại điểm 1 Thông báo này thực hiện:

a) Nộp Phiếu đăng ký thuê nhà do Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng phát hành và tiền đặt trước được xác định bằng 5% của tiền thuê nhà cho cả thời hạn thuê nhà theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24

tháng 6 năm 2026 của Chính phủ vào tài khoản ngân hàng [**Số tài khoản: 0321056868889; tên chủ tài khoản: Trung tâm Phát triển quỹ đất TP Đà Nẵng, Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Chi nhánh Đà Nẵng**], thời gian nộp tiền đặt trước: từ 07 giờ 30 phút ngày 19/10/2026 đến hết 17 giờ 30 phút ngày 27/10/2026.

b) Tham dự buổi xác định người được quyền thuê nhà theo đúng thời gian, địa điểm thông báo tại điểm 3 Thông báo này.

c) Trường hợp có nhu cầu xem nhà trước khi nộp Phiếu đăng ký thuê nhà, tiền đặt trước, tổ chức, cá nhân có nhu cầu thuê nhà đăng ký với Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng.

5. Thông tin liên hệ của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng:

- Địa chỉ liên hệ: Phòng Đấu giá và Giá đất – số 147 Phan Thanh, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại liên hệ: 02363.655.655

Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng xin thông báo./.

Nơi nhận: *ly*

- UBND thành phố Đà Nẵng (để báo cáo);
- Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng (để báo cáo);
- Cổng thông tin điện tử thành phố Đà Nẵng (để đăng tin);
- Trang thông tin điện tử Sở Tài chính thành phố (để đăng tin);
- Trang thông tin điện tử Trung tâm PTQĐ (để đăng tin);
- UBND các xã, phường: Nam Trà My, Tam Kỳ, Điện Bàn, Hiệp Đức, Đại Lộc, Nông Sơn, Quế Sơn, Tây Giang, Bàn Thạch, Hương Trà, Phước Sơn, Núi Thành, Nam Phước, Khâm Đức (để hỗ trợ đăng tin);
- Niêm yết công khai tại trụ sở Trung tâm PTQĐ;
- Lưu: VT, P.ĐG&GD_(Oanh).

GIÁM ĐỐC



Võ Nguyên Chương